CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2023

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội

Ngày 15/01/2024	7,000 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	4.5%	**11.1%**	**-2.8%**

DT thuần
Q4/23
315
tỷ VNĐ
QoQ: ▼13.0| -3.9%
YoY: ▼60.0| -15.9%

LN thuần
Q4/23
-88.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▼76.3| -630%
YoY: ▼81.6| -1200%

LN sau thuế
Q4/23
-67.0
tỷ VNĐ
QoQ: ▼54.5| -436%
YoY: ▼64.3| -2390%

Tỷ lệ lãi EBIT
2023
-4.6%
YoY: +/-▼ 8.9%

ROE
2023
-22.6%
YoY: +/-▼ 25.5%

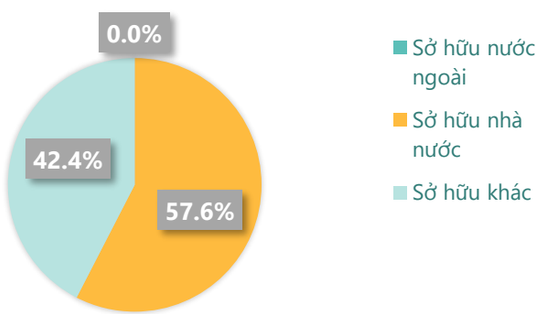
Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	5,600 - 8,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	144
Số lượng CPLH (CP)	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,040
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.31
EPS	-5,702
P/E	-1.1

DT thuần
2023
1,299
tỷ VNĐ
YoY: ▼381| -22.7%

LN thuần
2023
-168
tỷ VNĐ
YoY: ▼190| -876%

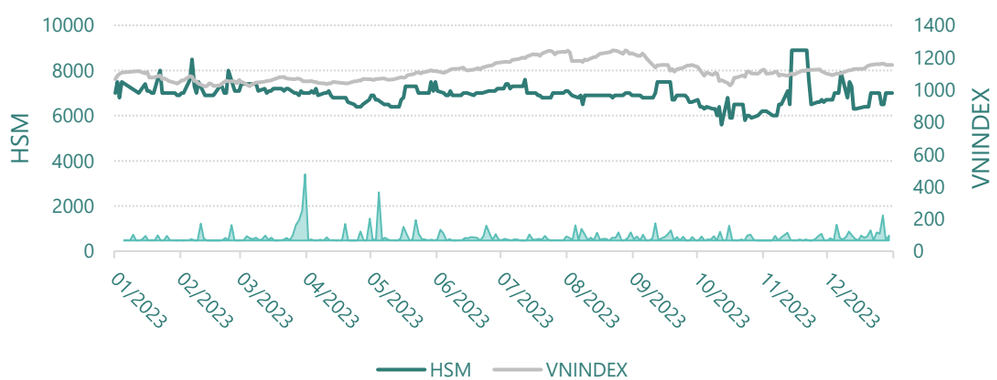
LN sau thuế
2023
-122
tỷ VNĐ
YoY: ▼141| -761%

Cơ cấu sở hữu

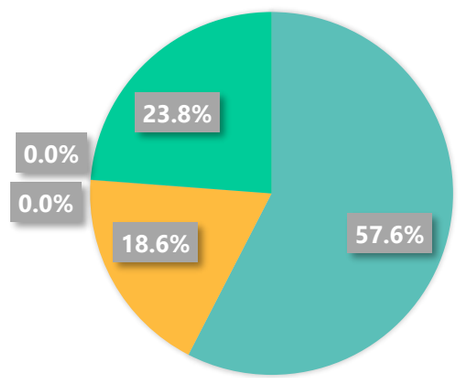


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

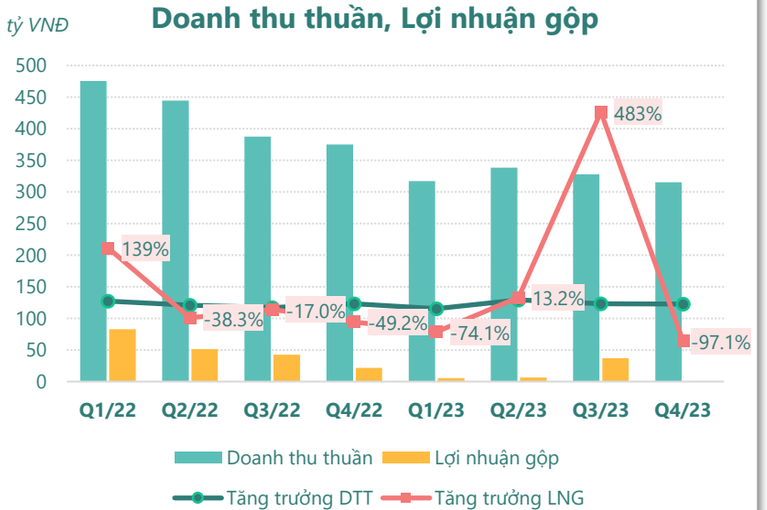


- Công ty TNHH Tổng công ty Dệt may Miền Bắc - Vinatex
- CTCP Dệt may Liên Phương
- Hồ Lê Hùng (Tổng giám đốc)
- Nguyễn Tuấn Đạo (Thành viên Ban kiểm soát)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

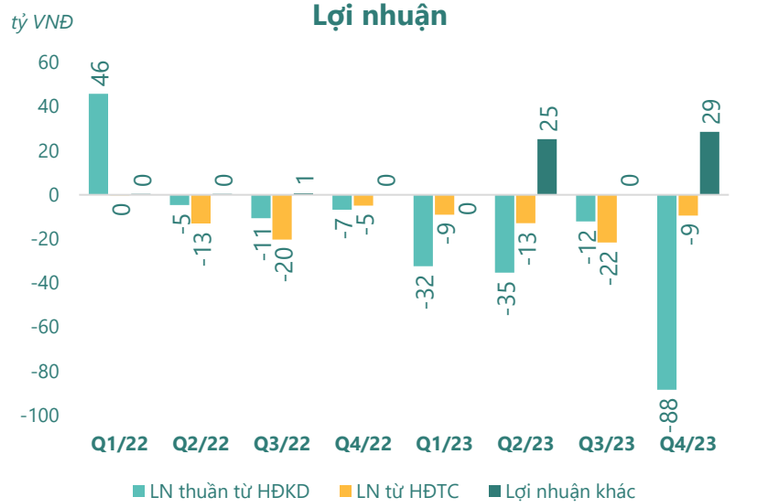
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



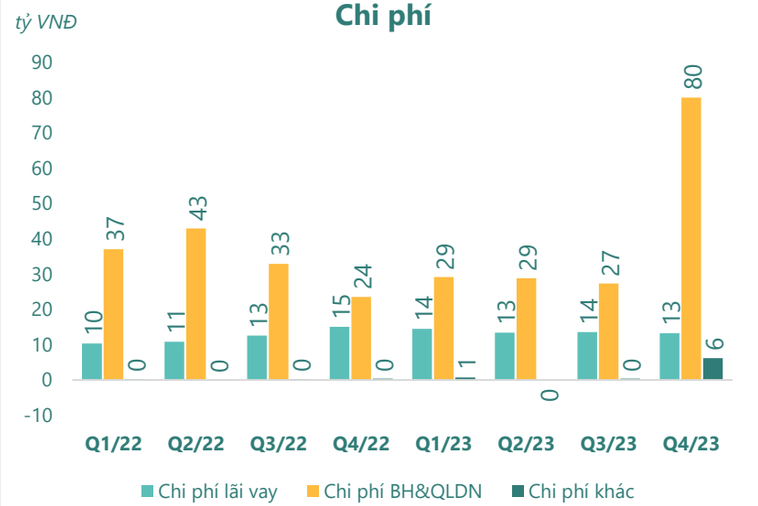
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



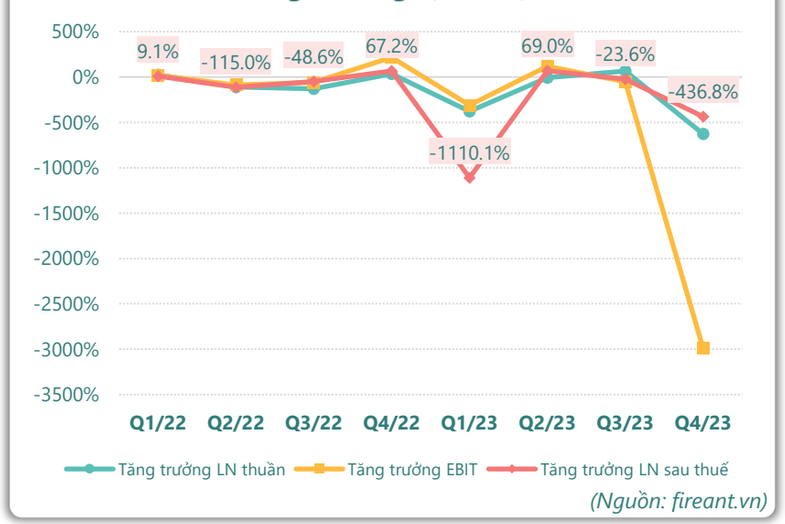
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



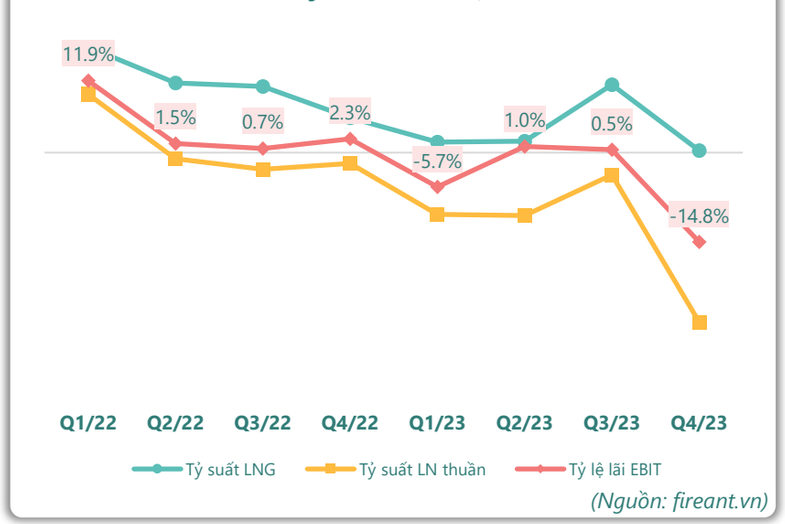
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



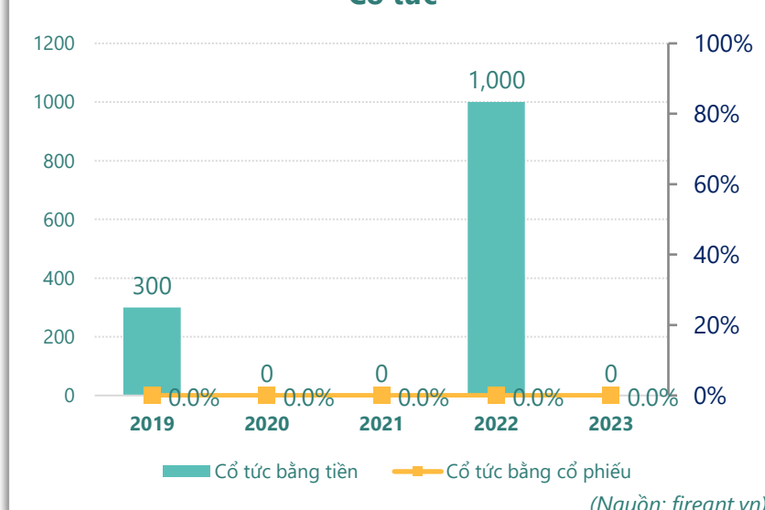
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

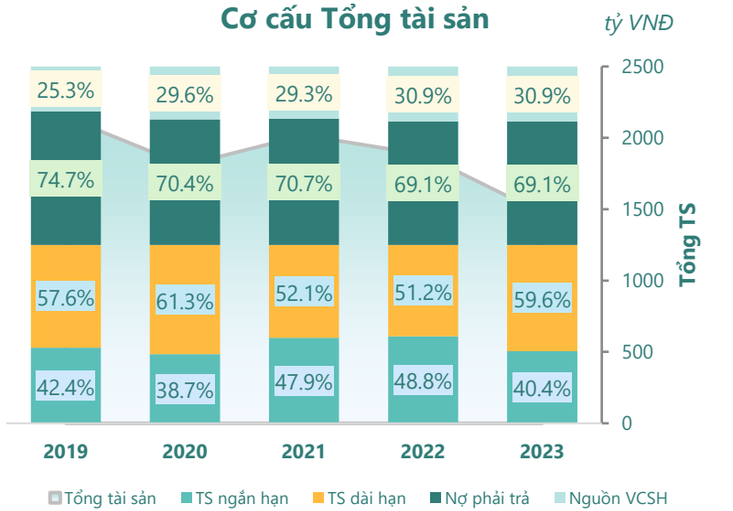
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

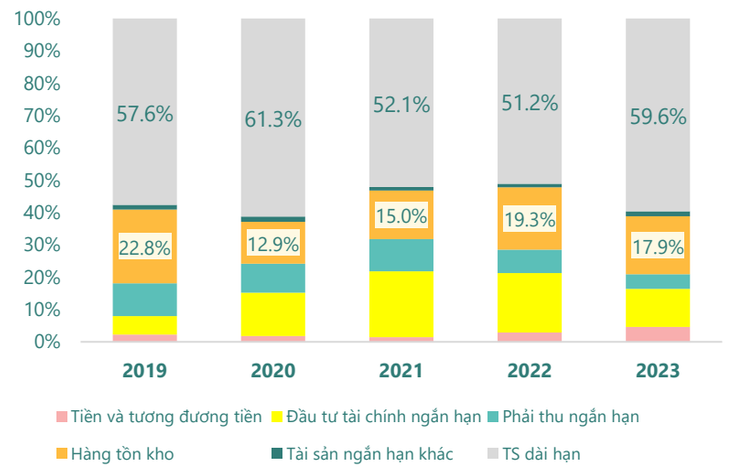
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



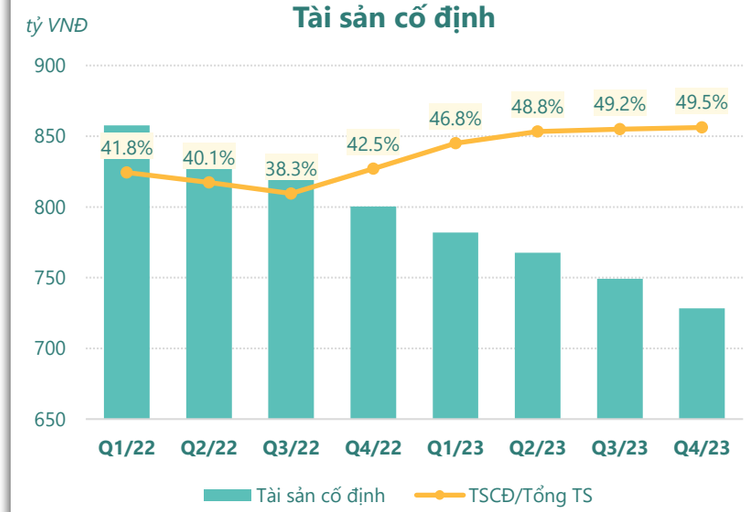
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



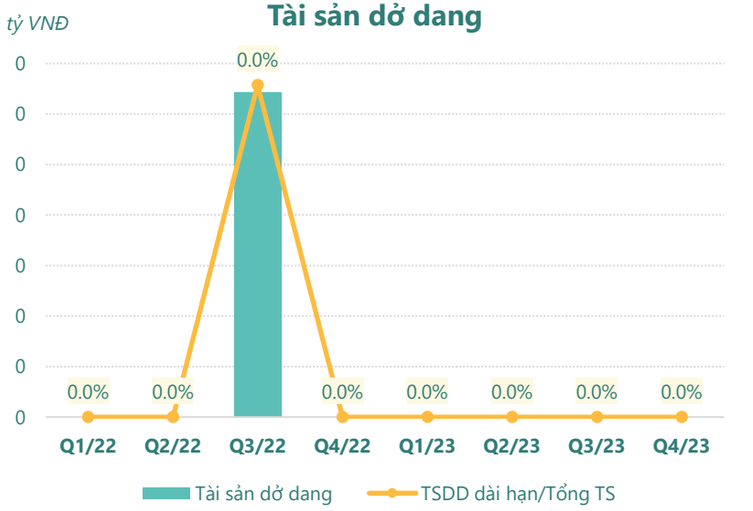
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



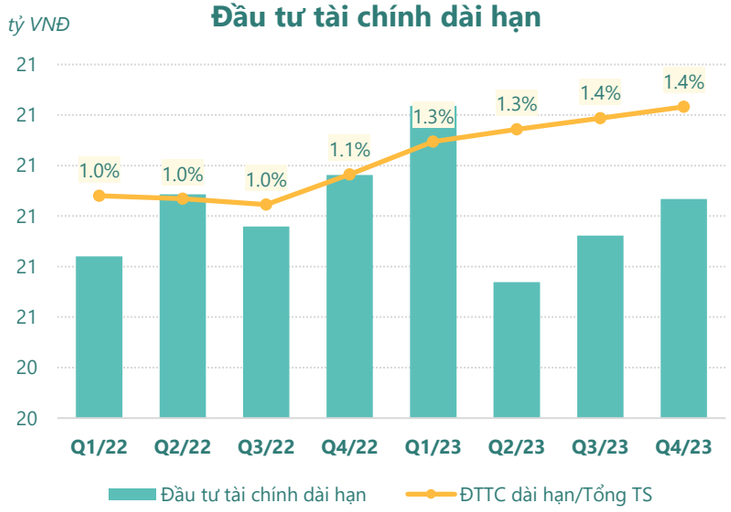
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



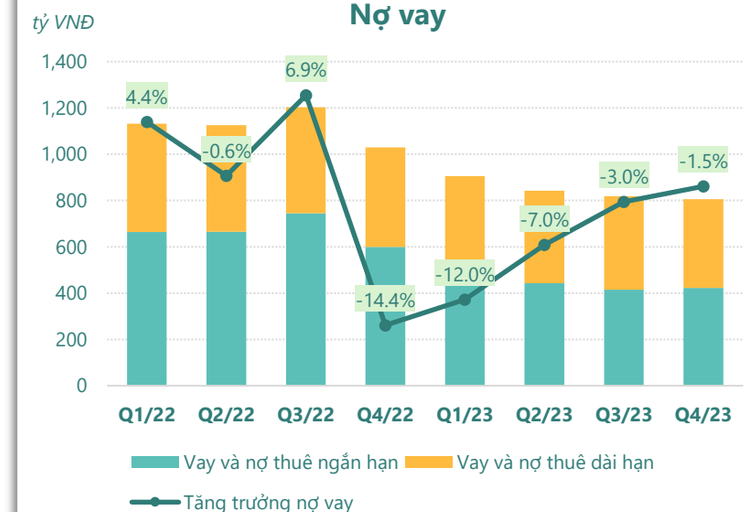
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

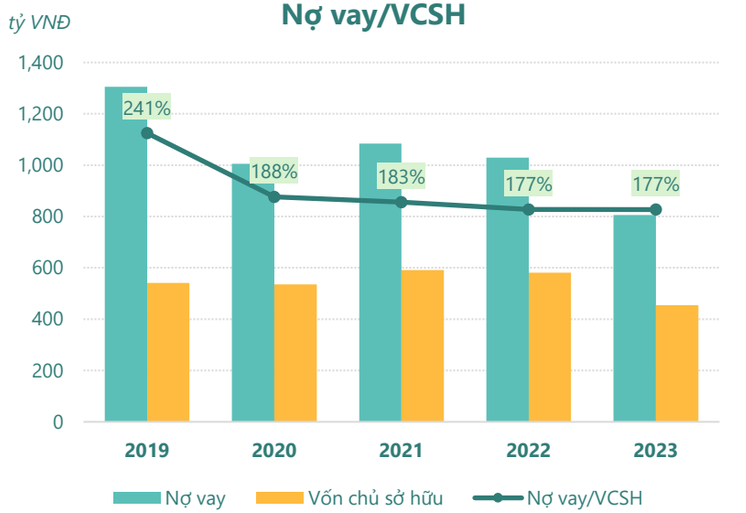
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



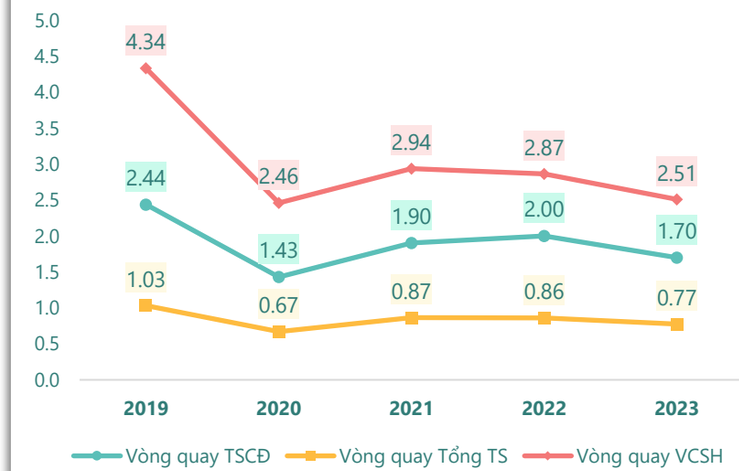
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



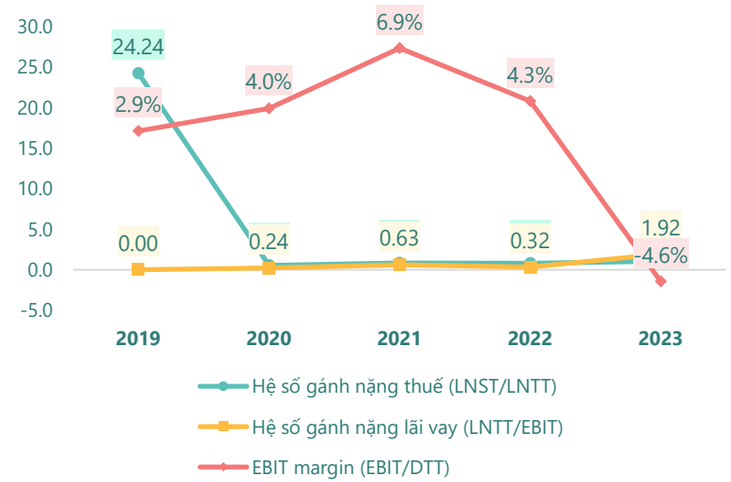
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



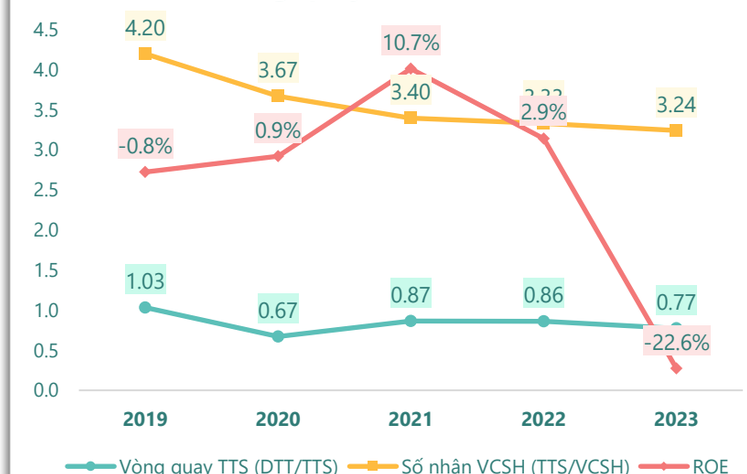
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



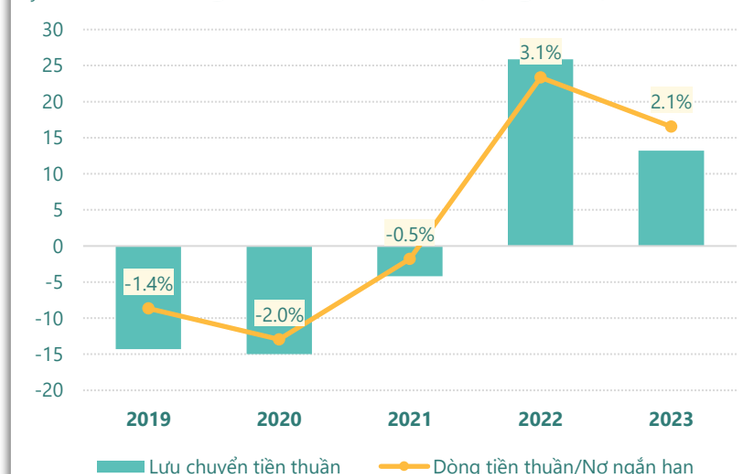
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q4/22	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**315**	**375**	**-15.9%**	**1,299**	**1,680**	**-22.7%**
Giá vốn hàng bán	314	353	-11.0%	1,249	1,485	-15.9%
Lợi nhuận gộp	1.07	21.6	-95.1%	49.7	195	-74.4%
Doanh thu HĐTC	4.84	20.5	-76.4%	19.7	58.0	-66.0%
Chi phí TC	14.3	25.5	-44.1%	72.6	96.6	-24.8%
Chi phí lãi vay	13.3	15.0	-11.5%	54.7	49.1	11.5%
LN trong công ty LKLD	**0.07**	**0.15**	**-51.8%**	**0.40**	**0.52**	**-22.8%**
Chi phí bán hàng	7.35	11.6	-36.6%	36.9	54.9	-32.7%
Chi phí QLDN	**72.7**	**11.9**	**511%**	**128**	**79.9**	**60.8%**
LN thuần từ HĐKD	-88.4	-6.80	-1200%	-168	21.7	-876%
Lợi nhuận khác	**28.5**	**0.28**	**10086%**	**54.0**	**1.72**	**3042%**
LN trước thuế	-59.8	-6.52	-818%	-114	23.4	-588%
Lợi nhuận sau thuế	**-67.0**	**-2.69**	**-2390%**	**-122**	**18.5**	**-761%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-64.8**	**-2.69**	**-2310%**	**-117**	**17.1**	**-785%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/22	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-88.9	45.0	-3.11	44.1	19.0	-21.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	57.5	122	99.8	29.0	6.79	63.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	72.3	-166	-123	-64.1	-34.5	-1.93
Tiền đầu kỳ	17.7	58.5	54.6	27.8	36.8	28.1
Lưu chuyển tiền thuần	**40.8**	**1.01**	**-26.8**	**8.98**	**-8.70**	**39.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.03	0.00	0.05	-0.04	-0.01
Tiền cuối kỳ	58.5	59.5	27.8	36.8	28.1	67.8

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2023	Tại ngày 31/12/2022	Thay đổi
TỔNG TÀI SẢN	**1,472**	**1,882**	**-21.8%**
Tài sản ngắn hạn	595	919	-35.3%
Tiền và tương đương tiền	67.8	54.6	24.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	173	345	-49.9%
Phải thu ngắn hạn	67.5	137	-50.7%
Hàng tồn kho	264	363	-27.4%
Tài sản ngắn hạn khác	22.9	19.6	16.7%
Tài sản dài hạn	**877**	**963**	**-8.9%**
Phải thu dài hạn	15.8	18.4	-14.1%
Tài sản cố định	728	800	-9.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	20.7	20.8	-0.2%
Tài sản dài hạn khác	**112**	**123**	**-8.8%**
Lợi thế thương mại	0.18	0.36	-50.0%
Nợ phải trả	1,018	1,302	-21.8%
Nợ ngắn hạn	**625**	**843**	**-25.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	422	606	-30.3%
Phải trả người bán ngắn hạn	121	91.2	33.2%
Nợ dài hạn	393	459	-14.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	383	424	-9.7%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**454**	**581**	**-21.8%**
Vốn chủ sở hữu	**454**	**581**	**-21.8%**
Vốn điều lệ	205	205	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)